



SAIGONBANK BERJAYA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số : /HĐ-SBBS

- Căn cứ bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Chứng khoán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya

Chúng tôi gồm có:

BÊN A (KHÁCH HÀNG):

Tên cá nhân / Tổ chức :

Số CMND / Hộ chiếu : cấp ngày: / / tại:

Quyết định thành lập số : cấp ngày: / / tại:

Giấy chứng nhận ĐKKD số : cấp ngày: / / tại:

Địa chỉ thường trú / Trụ sở chính:

.....

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Người đại diện (nếu khách hàng là tổ chức): Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Theo giấy ủy quyền số (nếu có): ngày: / /

Và một bên là:

BÊN B (CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA):

Trụ sở: Lầu 5-6, số 2C Phó Đức Chính, Quận 1, TP HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8) 39143399

Fax: (84-8) 39143388

Giấy phép thành lập và hoạt động số 94/UBCK-GP ngày 18/07/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 96/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày

07/08/2008.

Số tài khoản: 000 170 406 888 888 tại Ngân hàng Sài Gòn Công Thương.

Người đại diện:

Chức vụ:

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với nội dung như sau:

Điều 1: Luật điều chỉnh

Hợp đồng này thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hai bên cam kết tuân thủ các văn bản pháp luật sau:

- Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Luật Chứng khoán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam do Quốc Hội ban hành ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2: Mục đích hợp đồng

1. Bằng hợp đồng này Bên A yêu cầu Bên B mở tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản lưu ký chứng khoán.

Quản lý chứng khoán và thực hiện giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Bên A.

2. Bên A ủy quyền cho Bên B quản lý và thực hiện các giao dịch, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và đăng ký các quyền sở hữu cho Bên A. Thời hạn ủy quyền là thời hạn của hợp đồng này. Phạm vi công việc được ủy quyền xác định theo nội dung của Hợp đồng này và các thỏa thuận bổ sung.

3. Khách hàng truy vấn thông tin khi có nhu cầu hoặc nhận thông tin từ Công ty Chứng khoán tại sàn giao dịch chứng khoán của Công ty hoặc thông qua phương tiện giao dịch điện tử (điện thoại, tin nhắn, internet, ...)

Điều 3: Quyền của Bên A

1. Đặt lệnh giao dịch chứng khoán thông qua Bên B.

2. Thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với chứng khoán gửi tại Công ty bao gồm:

- Hưởng các khoản lợi nhuận hợp pháp gắn liền với số tiền và chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên A, như: cổ tức, lãi suất trái phiếu, cổ phiếu thưởng, ... theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán như: quyền tham dự đại hội cổ đông, quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông, quyền của chủ sở hữu đối với trái phiếu với tư cách là chủ nợ,.... theo quy định của pháp luật.

3. Nhận các thông báo thông tin về giao dịch của Bên A đã được thực hiện.

4. Yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ chứng khoán khỏi tài khoản khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này.

5. Được hưởng các dịch vụ tiện ích do Bên B trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với bên thứ ba thực hiện.

6. Bên A có quyền yêu cầu tất toán tài khoản giao dịch chứng khoán khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt hợp đồng

7. Ủy quyền cho bên B khấu trừ và nộp thuế thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ của Bên A

1. Thực hiện giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Bên A cam kết những thông tin mà mình cung cấp trong bản hợp đồng này và trong Phiếu Yêu Cầu Mở Tài Khoản là đúng sự thực và phải thông báo cho Bên B biết khi có những thay đổi có liên quan. Trường hợp thông tin sai sự thật, xử lý theo Điều 11 của hợp đồng này.

3. Thực hiện ký quỹ, thanh toán tiền và chứng khoán đầy đủ, đúng hạn theo các quy định của pháp luật.

4. Thanh toán cho Bên B phí môi giới, phí lưu ký, phí đăng ký chứng khoán, phí tư vấn và các khoản phí khác theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm về các cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền của Bên A.

6. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế thu nhập liên quan đến thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

7. Trong trường hợp khách hàng yêu cầu Công ty CP Chứng khoán SaigonBank Berjaya tư vấn về đầu tư chứng khoán, khách hàng phải cung cấp đầy đủ và trung thực khả năng tài chính và mục đích đầu tư.

8. Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản giao dịch như mật khẩu giao dịch, số tài khoản giao dịch và những thông tin khác liên quan đến tài khoản giao dịch của mình.

Chấp hành các quy định của Nhà Nước liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy chế giao dịch chứng khoán của Công ty CP Chứng Khoán Saigon bank Berjaya

Điều 5: Quyền của Bên B

1. Được quyền trích tiền và chứng khoán trên tài khoản của Bên A để thực hiện thanh toán các lệnh giao dịch của Bên A đã được thực hiện.

2. Hưởng phí môi giới và các khoản chi phí khác phù hợp với quy định của Pháp luật và các quy định của Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya bằng cách trích trên số dư tiền của khách hàng.

3. Trích tiền của bên A thực hiện các nghĩa vụ thuế liên quan đến thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

4. Trong trường hợp Bên A vì lý do nào đó mà không thực hiện thanh toán các nghĩa vụ và các khoản phí nêu trên thì Bên B được phép sử dụng tiền trong tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và bán chứng khoán trong tài khoản chứng khoán giao dịch của người đầu tư để thanh toán các khoản phí và nghĩa vụ phát sinh đó. Trong trường hợp số dư trên tài khoản giao dịch Bên A không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh nêu trên, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường các thiệt hại phát sinh (nếu có).

5. Được sử dụng tài khoản của Bên A để sửa lỗi giao dịch xảy ra trong quá trình thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Bên A phù hợp với sự thỏa thuận chung của hai Bên.

Điều 6: Nghĩa vụ của Bên B

1. Thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Bên A (những yêu cầu này phải tuân thủ các quy định của pháp luật và trong phạm vi theo Giấy phép hoạt động của Bên B).
2. Lưu giữ chứng khoán mà Bên A ủy thác tại tài khoản chứng khoán giao dịch của người đầu tư đứng tên thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.
3. Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Bên A tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Giữ bí mật toàn bộ các thông tin về tài khoản và giao dịch của Bên A, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của Pháp luật và theo thỏa thuận ủy quyền với Bên A.
5. Gửi các thông báo về giao dịch của Bên A trong thời gian 01 ngày kể từ khi giao dịch được thực hiện, gửi báo cáo hàng tháng về số dư và diễn biến trên tài khoản nếu có giao dịch được thực hiện trong tháng, gửi báo cáo về số dư và diễn biến trên tài khoản 03 tháng một lần nếu không có giao dịch được thực hiện.
6. Không được sử dụng chứng khoán của Bên A nếu không có lệnh của Bên A, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 và 5.4 Điều 5 Hợp đồng này.
7. Thực hiện yêu cầu của Bên A về gửi, rút và chuyển khoản chứng khoán trong điều kiện sổ chứng khoán này không bị ràng buộc phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, cầm cố đã phát sinh (nếu có).

Điều 7: Giao dịch chứng khoán

1. Việc thực hiện đặt lệnh giao dịch chứng khoán của Bên A phải tuân thủ đúng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và của Bên B.
2. Cách thức nhận lệnh: Bên B nhận lệnh của khách hàng tại văn phòng công ty Bên B, lệnh của khách hàng chỉ có giá trị trong ngày giao dịch. Các trường hợp nhận lệnh khác sẽ được Bên B quy định theo từng thời điểm cụ thể.
3. Trường hợp lệnh mua chứng khoán của Bên A được thực hiện, trên tài khoản tiền gửi ngân hàng của Bên A, số tiền tương đương trị giá chứng khoán mua được sẽ được chuyển ngay vào ký quỹ để đảm bảo thanh toán mà Bên A không được tự ý sử dụng. Sổ chứng khoán mua được sẽ có trên tài khoản lưu ký chứng khoán của Bên A vào cuối ngày thanh toán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Đối với chứng khoán mua được thì mặc nhiên được lưu ký tại Bên B và Bên A phải thanh toán phí lưu ký. Trường hợp Bên A muốn rút chứng khoán thì phải gửi Yêu Cầu Rút Chứng Khoán (theo mẫu của Bên B).
4. Trường hợp lệnh bán chứng khoán của Bên A được thực hiện, sổ chứng khoán bán được sẽ ngay lập tức được đưa vào ký quỹ để đảm bảo chuyên giao, số tiền bán chứng khoán sẽ có trên tài khoản giao dịch của Bên A vào cuối ngày thanh toán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 8: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này có trách nhiệm bồi thường thỏa đáng cho Bên bị thiệt hại.
2. Mức bồi thường thiệt hại do các bên thỏa thuận cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Thông báo

1. Mọi thông báo và thư từ giao dịch phải được gửi theo địa chỉ đã nêu trong hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản).
2. Trừ những thông báo mặc định được quy định tại Điều 10 hợp đồng này, thì mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được xem là hợp lệ khi lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền.
3. Thông báo, thư từ giao dịch được chuyển bằng bưu điện thì ngày gởi đi được xác định theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển. Bên nhận coi như đã nhận được nếu thư được chuyển tới địa chỉ nơi nhận trong thời gian từ 7h30' đến 16h30' trong những ngày làm việc (nếu khách hàng là tổ chức) hoặc từ 6h30' đến 18h00' hằng ngày (nếu khách hàng là cá nhân).
4. Thông báo bằng thư từ được chuyển theo cách chuyển trực tiếp thì việc giao nhận coi như được thực hiện khi ký nhận với bộ phận thường trực tiếp nhận văn thư của bên nhận (nếu khách hàng là tổ chức) hoặc ký nhận với bất kỳ một người nào trong cùng hộ gia đình với khách hàng (nếu khách hàng là cá nhân).
5. Thông báo được chuyển bằng Fax, SMS, Email chỉ được coi là thông báo trước để chuẩn bị, sau đó phải gửi văn bản chính thức theo Khoản 9.3 hoặc Khoản 9.4 Điều này (trừ trường hợp công bố thông tin bằng Fax, SMS hoặc Email theo thỏa thuận giữa hai bên).

Điều 10: Thông báo mặc định

1. Khi ký kết hợp đồng này, Bên A mặc nhiên thừa nhận rằng sự biến động của giá chứng khoán mang tính khách quan và mỗi chứng khoán bất kỳ đều có thể lên giá hoặc xuống giá. Bên A công nhận rằng luôn có một rủi ro tiềm ẩn đối với mỗi loại chứng khoán và thua lỗ là có thể xuất hiện.
2. Khi ký tên vào hợp đồng này Bên A thừa nhận Bên B đã thông báo đầy đủ với Bên A các thông tin về chức năng, giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện ký hợp đồng của Bên B.

3. Khi ký tên vào phiếu đăng ký, phiếu lệnh Bên A mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị Bên B thực hiện dịch vụ cho mình và ý kiến của nhân viên công ty chứng khoán (Bên B) chỉ có ý nghĩa tham khảo.

Điều 11: Giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được điều chỉnh bởi Luật pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hòa giải. Trường hợp thương lượng và hòa giải không thành, các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi ký kết hợp đồng để xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Hợp đồng này có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Theo yêu cầu của Bên A sau khi đã thanh toán đầy đủ các khoản phí và nghĩa vụ phát sinh cho Bên B.
- Bên A (là tổ chức) và/hoặc Bên B bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất.
- Khi Bên A (là cá nhân) qua đời hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
- Một trong các bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này và có các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 của Luật Chứng khoán ban hành ngày 29/06/2006.
- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.
- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A không có số dư trong tài khoản và không có giao dịch trong 12 tháng liên tục.

Điều 13: Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt hợp đồng. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký, các văn bản này được coi là phụ lục không tách rời của Hợp đồng này.

Điều 14: Các thỏa thuận khác

1. Việc xử lý Hợp đồng khi một trong các bên bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất hoặc khách hàng là cá nhân qua đời, mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp do có sự thay đổi về Pháp luật làm cho một hoặc một số điều khoản của hợp đồng này trở thành vô hiệu, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, hai bên cam kết nghiêm chỉnh tiếp tục thực hiện.
3. Bất cứ văn bản nào khác do Bên B ban hành và các văn bản sau đây là bộ phận không tách rời hợp đồng và có ý nghĩa tham chiếu:
 - Giấy yêu cầu mở tài khoản.
 - Phiếu yêu cầu điều chỉnh thông tin.
 - Giấy ủy quyền.
 - Phiếu đăng ký giao dịch chứng khoán qua mạng trực tuyến và điện thoại.
 - Yêu cầu tất toán tài khoản.
 - Giấy chấm dứt ủy quyền.
 - Giấy ủy quyền thực hiện nghĩa vụ thuế.
4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt được xem là bản chính thức.

Bên A

Khách hàng

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Bên B

Cty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)